

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 27 /2019/HS-ST
Ngày 28-11-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ksor H'Đuen

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Chính

Ông Lữ Phúc Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Ksor Yanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nay G, Sinh ngày 23 tháng 5 năm 2001, tại thị xã A, tỉnh Gia Lai. Nơi ĐKKHKT: Thôn Bôn R, xã I, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin Lành. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12. Con ông: Ksor T (đã chết) và bà Nay H' R, sinh năm: 1965. Vợ là Ksor H' V, sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ban quản lý rừng phòng hộ C, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nay Ú – Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ C, huyện I, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Siu D - Trám trưởng trạm Yang Nam thuộc lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ C. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Ksor B, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2. Anh Ksor U, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Làng H'R, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1985. Vắng mặt
Địa chỉ: Làng H'R xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch:*

Chị Ksor H'N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn H', xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3 năm 2019, Nay G sau khi phát hiện có đất rừng có thể khai hoang làm rẫy tại tiểu khu 1183, G đã dùng cưa máy cầm tay đi đến khu vực trên trực tiếp cắt hạ toàn bộ các loại cây gỗ có trên diện tích đất rừng, diện tích rừng bị phá là 5.800m², tại vị trí lô 10, lô 13 khoảnh 1, Tiểu khu 1183 thuộc loại rừng sản xuất. Trạng thái rừng RLP (rừng gỗ tự nhiên núi đất, lá rộng rụng lá phục hồi) và rừng TXP (rừng gỗ tự nhiên núi đất, lá rụng, thường xanh phục hồi). Tại hiện trường, toàn bộ số cây đã bị cưa hạ, thân cây được cắt thành khúc nằm trên mặt đất, lá cây đã héo rụng xuống đất, cây bụi, cây cảnh lá thấp, thực bì còn nguyên. Kiểm đếm xác định có 243 cây gỗ bị chặt hạ các loại Gỗ mật, Cẩm xe, Thành ngạnh, Bằng lăng, Bình linh, Kơ nia, Trâm tía, Sến mù, SP6.

Tại Bản kết luận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai ngày 10/6/2019, kết luận vị trí rừng bị phá là tại lô 10, lô 13, khoảnh 1, tiểu khu 1183, diện tích bị phá là 5.800m², thuộc loại rừng sản xuất, trạng thái rừng RLP (rừng gỗ tự nhiên núi đất, lá rộng rụng lá phục hồi) và rừng TXP (rừng gỗ tự nhiên núi đất, lá rụng, thường xanh phục hồi) do Ban quản lý rừng phòng hộ C quản lý. Tổng khối lượng gỗ thiệt hại: 14,257m³ (gỗ nhỏ 10,390m³, gỗ lớn 3,316m³, gỗ cảnh ngọn 0,551m³), củi 1,901 ster.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 02/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ia, kết luận giá trị thiệt hại về lâm sản là 38.921.954 đồng, thiệt hại về môi trường rừng là 116.765.862 đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/CT -VKS ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nay G về tội “hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự 2015: Đề nghị xử phạt bị cáo Nay G từ 09 đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nay G phải bồi thường thiệt hại về lâm sản 38.921.954 đồng; thiệt hại về môi trường rừng là 116.765.862 đồng. Tổng cộng là 155.688.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Số khối lượng 14,257 m³ gỗ và củi 1,901 Ster để lại tại hiện trường, do không thể đưa về kho tang vật nên Cơ quan CSĐT Công an huyện I đã trả lại cho chủ rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ C quản lý, nên không đề cập xem xét.

Đối với máy cưa cầm tay do G sử dụng để cắt hạ cây rừng, G đã cho Kpă D mượn, Kpă D lại cho Ksor R mượn, Cơ quan CSĐT đã tạm giữ máy cưa trong vụ án Ksor R tham gia hủy hoại rừng nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất với Bản cáo trạng và luận tội của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa. Bị cáo không tranh luận gì, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện I, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Khoảng tháng 3 năm 2019, Nay G một mình tự ý đi vào rừng tại vị trí lô 10, lô 13, khoảnh 1, tiểu khu 1183 thuộc lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ C quản lý, dùng cưa máy cầm tay cắt hạ toàn bộ 243 gốc cây gỗ các loại trên diện tích 5.800m² đất rừng sản xuất, với mục đích phá làm nương rẫy trồng mì. Hành vi dùng cưa máy cầm tay cắt hạ toàn bộ số cây rừng để làm nương rẫy của Nay G đã gây thiệt hại cho Nhà nước 5.800m² đất rừng sản xuất; thiệt hại về lâm sản 38.921.954 đồng, thiệt hại về môi trường rừng 116.765.862 đồng. Hành vi của Nay G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện I đã truy tố là đúng người, đúng tội đúng pháp luật.

[3] Xét chất chất, mức độ phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo nhận thức rõ về việc giữ gìn và bảo vệ rừng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn thiếu đất sản xuất, nên để có diện tích đất trồng mì phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế nên bị cáo đã cố tình phạm tội. Bị cáo Nay G đã hủy hoại

với mức độ thiệt hại rừng bị phá là 5.800m², tổng số cây bị thiệt hại là 243 cây, có tổng khối lượng gỗ thiệt hại là 14,257m³, khối lượng củi thiệt hại là 1,901ster. Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản 38.921.954 đồng, thiệt hại về môi trường rừng 116.765.862 đồng. Với diện tích và giá trị thiệt hại về tài sản cho nhà nước như nhận định ở trên thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, cần xử phạt bị cáo nghiêm minh để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nay G còn dưới 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định tại Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS bị cáo thể áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100 triệu đồng. Xét bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến người bào chữa cho bị cáo và đại diện viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chặt cây, đốt rừng sản xuất gây thiệt hại về diện tích rừng 5.800m², thiệt hại về lâm sản 38.921.954 đồng, thiệt hại về môi trường rừng 116.765.862 đồng. Đây là tài sản của nhà nước nên cần căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho Nhà nước.

Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ C đã lơ lửng, thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, hậu quả đã để mất rừng, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện I đã có văn bản đề nghị xử lý trách nhiệm đối với Ban quản lý rừng phòng hộ C nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về vật chứng vụ án: Số khối lượng 14,257 m³ gỗ và củi 1,901 Ster để lại tại hiện trường, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ia Pa đã giao trả lại cho chủ rừng là Ban quản lý rừng phòng hộ C quản lý, việc giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ Chư Mố quản lý là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với máy cưa cầm tay do G sử dụng để cắt hạ cây rừng, G đã cho Kpă D mượn, Kpă D lại cho Ksor R mượn, Cơ quan CSĐT đã tạm giữ máy cưa trong vụ án Ksor R tham gia hủy hoại rừng nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nay G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nay G phạm tội “Hủy hoại rừng”.

- Áp dụng, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nay G 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi thi hành án.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nay G phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ C số tiền 38.921.954 đồng và 116.765.862 đồng. Tổng cộng: 155.687.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian của số tiền còn phải thi hành án.

3. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nay G phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 7.784.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2019) để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. I;
- Công an h. I;
- Bị cáo; Bị hại;
- Chi cục THADS h. Ia Pa;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ksor H'Duen